

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2022.
V/v ly hôn giữa chị T
và anh K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ngọc;
2. Ông Nguyễn Hữu Tinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang K, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị Anh Thư - Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lê Quang K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo tại Tòa án, chị Lê Thị Phương T trình bày:

Chị và anh Lê Quang K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Nam Định. Vợ chồng có một con chung là Lê Quang T1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013. Quá

trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi anh K bị tai nạn lao động dẫn đến mất khả năng lao động và khả năng làm chồng nên luôn nghi ngờ sự chung thủy của vợ. Mặc dù chị cố gắng chịu đựng để chăm sóc gia đình nhưng vẫn không được yên ổn do thường xuyên bị anh K chửi bới, quăng ném. Mâu thuẫn vợ chồng liên tục kéo dài và ngày một căng thẳng nên chị phải bỏ về gia đình mẹ để sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên đề nghị được ly hôn và nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng; tài sản chung của vợ chồng không có. Hiện vì lý do công việc, không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai anh Lê Quang K xác nhận về mối quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung của vợ chồng như chị T trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh bị tai nạn lao động đứt tuỷ sống dẫn đến liệt nửa người phần dưới, hàng ngày phải có người hỗ trợ trên xe lăn nên bị vợ coi thường và đi quan hệ bất chính với người khác. Khi mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm thì chị T bỏ về bên ngoại sinh sống, mặc dù phía gia đình anh đã nhiều lần gặp gỡ, động viên nhưng chị T không đồng ý trở về chăm sóc chồng con. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh hoàn toàn nhất trí và có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Bản thân anh bị khuyết tật vận động nên không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn xác định hôn nhân giữa anh K và chị T không mang lại hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của hai anh chị và giao cháu Lê Quang T cho phía anh K nuôi dưỡng bởi lẽ, chị T sau khi ly hôn còn có khả năng kết hôn và sinh con còn phía anh K không còn khả năng kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ kiện: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh K đã trở nên trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc; căn cứ quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn để giải quyết ly hôn giữa các đương sự; giao chị T nuôi dưỡng cháu Lê Quang T là phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung không có nên các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Lê Thị Phương T; bị đơn anh Lê Quang K đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Phương T và anh Lê Quang K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh K có một con chung là Lê Quang T1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2013 do anh K không may bị tai nạn lao động dẫn đến mất khả năng lao động và phục vụ bản thân nên luôn nghi ngờ chị T không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng liên tục kéo dài và ngày một căng thẳng nên chị T tự bỏ về gia đình mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn và được phía anh K chấp thuận. Điều đó cho thấy các bên đương sự đều xác định hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ và không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, Tòa án sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết ly hôn giữa anh và chị để giải phóng khỏi sự ràng buộc của hôn nhân không hạnh phúc cho các bên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh K có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 hiện đang ở với bố. Hai bên anh chị đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên của anh và chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện anh K là người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của anh phải nhờ đến sự trợ giúp của người khác nên sẽ là rất khó khăn trong việc nuôi dưỡng cháu T. Phía chị T hiện đang là công nhân có thu nhập ổn định hàng tháng nên việc nuôi dưỡng cháu T1 sẽ đảm bảo hơn so với anh K. Mặt khác, bản thân cháu T1 cũng có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ. Vì vậy, việc giao cháu T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trưởng thành theo nguyện vọng của cả hai mẹ con chị là phù hợp.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Chị T và anh K cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Phương T đối với anh Lê Quang K.

Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Phương T và anh Lê Quang K.

2. *Về con chung*: Buộc anh K có trách nhiệm giao cháu Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2013 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục trưởng thành; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số: 0003960 ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã T;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang